

Số: 03/QĐ-TrTHCSMKII

Mạo Khê, ngày 06 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước của Trường THCS Mạo Khê II

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II

Căn cứ Luật quản lý tài sản số 15/2017/QH14, ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Quyết định số 695/2015/NĐ-CP ngày 21/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng quy định tại Điều lệ Trường THCS được ban hành tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 118/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (Đợt 1) cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

Quyết định 1593/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh Điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của ngành Giáo dục và Đào tạo (lần 2) năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 của UBND thị xã Đông Triều về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của UBND thị xã Đông Triều.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021 của Trường THCS Mạo Khê II.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 15/QĐ-THCSMK2 ngày 13/01/2020 của Trường THCS Mạo Khê II thị xã Đông Triều ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2020.

Điều 3. Bộ phận quản lý tài sản, bộ phận kế toán, các bộ phận chuyên môn khác và cá nhân có liên quan của Trường THCS Mạo Khê II chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện) ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Ánh Tuyết

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/QĐ-TrTHCSMKII

Mạo Khê, ngày 06 tháng 01 năm 2021

QUY CHẾ

Về việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước của Trường THCS Mạo Khê II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-TrTHCSMKII ngày 06/01/2021
của Trường THCS Mạo Khê II)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Mục đích:

- Thực hiện thống nhất quản lý về tài sản của Trường THCS Mạo Khê II đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của nhà trường Nhà nước có thẩm quyền.
- Đảm bảo tài sản công được quản lý sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, đối tượng và hiệu quả.
- Thực hiện quyền chủ động, đồng thời gắn trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật.
- Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ.

2. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

- Quy chế này bao gồm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công để áp dụng thống nhất trong toàn trường trên nguyên tắc dân chủ công bằng, công khai.
- Lãnh đạo nhà trường và toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong trường có trách nhiệm thực hiện và áp dụng quy chế này.
- Nguồn kinh phí quy định trong quy chế này là kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hằng năm của Trường THCS Mạo Khê II

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài sản

1. Mọi tài sản công đều phải được nhà trường quản lý, sử dụng theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Tài sản công là tài nguyên phải được kiểm kê, thống kê về hiện vật, ghi nhận thông tin phù hợp với tính chất, đặc điểm của tài sản; được quản lý, bảo vệ, khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

4. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

Điều 3. Căn cứ xây dựng Quy chế

- Hệ thống tiêu chuẩn, định mức quản lý sử dụng tài sản công do nhà trường, người có thẩm quyền quy định;

- Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, của nhà trường,

- Thực trạng và yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản công tại nhà trường

- Nội dung của Quy chế (theo khoản 3, Điều 7, Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính).

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công

- Tất cả các loại tài sản công của nhà trường đều được giao cho một bộ phận hoặc cá nhân quản lý, sử dụng. Có hệ thống sổ sách theo dõi chặt chẽ; định kỳ tổ chức kiểm kê, đánh giá tài sản theo quy định của pháp luật.

- Cán bộ, công chức, người lao động trong nhà trường được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng nhà trường và trước pháp luật nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng, chiếm dụng hoặc sử dụng trái phép. Mọi hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

- Việc triển khai nguồn lực tài chính từ tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.

Điều 5. Tiêu chuẩn, phân loại tài sản

1. Những tài sản thuộc diện quản lý trong quy định này bao gồm: Tài sản cố định (TSCĐ): TSCĐ hữu hình và tài sản cố định vô hình.

2. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình là tài sản mang hình thái vật chất, có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, thoả mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn dưới đây:

- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- Có nguyên giá từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) trở lên.

3. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình là tài sản không mang hình thái vật chất cụ thể mà nhà trường đơn vị phải đầu tư chi phí cho việc tạo lập như: Giá trị quyền sử dụng đất, bằng phát minh sáng chế, phần mềm máy vi tính, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả..., thỏa mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 điều này.

Điều 6. Đối tượng ghi sổ kế toán TSCĐ

1. Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

2. Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

3. Một hệ thống gồm có nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ, liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và có chức năng hoạt động độc lập, đồng thời có sự đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC

Điều 7. Đối tượng sử dụng diện tích làm việc

Cán bộ, công chức, người lao động trong Trường THCS Mạo Khê II thị xã Đông Triều.

Điều 8: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc

Thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc.

Điều 9: Bố trí sắp xếp nơi làm việc

Căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc và chức năng, nhiệm vụ, số lượng cán bộ, công chức, người lao động của nhà trường để bố trí, sắp xếp nơi làm việc phù hợp.

Điều 10: Yêu cầu về sử dụng trụ sở làm việc

1. Khu vực sử dụng chung bao gồm: Phòng họp, hành lang, cầu thang bộ, khu vệ sinh chung, hệ thống điện, thông tin liên lạc, đường truyền mạng. Xác

định đây là những khu vực mà cán bộ, công chức, người lao động trong nhà trường có quyền bình đẳng trong việc sử dụng và có nghĩa vụ chấp hành nội quy, quy định về quản lý và sử dụng tài sản dùng chung.

2. Khu vực sử dụng riêng của các tổ chuyên môn, các bộ phận trong nhà trường bao gồm: Phòng làm việc, đèn chiếu sáng từng phòng làm việc, điện thoại cố định... giao cho từng tổ chuyên môn, bộ phận trực tiếp quản lý, sử dụng.

- Các phòng làm việc, các lớp học phải được bố trí hợp lý, gọn gàng, thuận lợi cho cán bộ, viên chức, người lao động và đảm bảo các điều kiện làm việc.

- Cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại các phòng làm việc và các lớp học có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy nhà trường; thực hiện nghiêm túc việc phân công thường xuyên vệ sinh trường, lớp. Hết giờ làm việc tắt hết máy móc, thiết bị điện, đóng các cửa trước khi ra về để bảo vệ tài sản nhà trường.

Điều 11: Duy tu, sửa chữa thường xuyên trụ sở làm việc

- Các bộ phận, cá nhân trong nhà trường có trách nhiệm thông báo kịp thời về tình trạng hư hỏng với bộ phận Kế toán – Hành chính để tham mưu với Hiệu trưởng có phương án sửa chữa tài sản. Không tự ý hoặc gọi người ngoài nhà trường vào thực hiện sửa chữa khi chưa có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường,

- Không chỉ đạo làm sai lệch thiết kế, hiện trạng trong quá trình bảo dưỡng, duy tu sửa chữa trong nhà trường.

Mục 2

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG

Điều 12: Tiêu chuẩn, định mức trang bị máy móc, thiết bị văn phòng

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, khả năng của ngân sách nhà nước cấp cho đơn vị để xây dựng tiêu chuẩn, định mức trang bị máy móc, thiết bị văn phòng.

Điều 13: Trang bị, mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí chi thường xuyên theo định mức biên chế được giao, nguồn ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

Việc trang bị máy móc, thiết bị phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nguồn kinh phí được phép sử dụng, đúng đối tượng, phục vụ hiệu quả cho công việc.

1. Lập kế hoạch trang bị máy móc, thiết bị

- Vào quý III hàng năm, bộ phận Kế toán - Hành chính lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị, máy móc cho năm tiếp theo; dự kiến thời gian thực hiện kế hoạch trong năm; đảm bảo thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức quy định.

- Phát sinh trong năm: Theo nhu cầu thực tế của các tổ chuyên môn nhưng phải phù hợp với nguồn kinh phí được giao trong năm.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị.

Thực hiện mua sắm, trang bị tài sản đúng tiêu chuẩn, định mức, có trong dự toán; tuân thủ phương thức, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định; sau khi mua sắm thực hiện công khai theo quy định.

Điều 14: Tiếp nhận máy móc, thiết bị

1. Các trường hợp tiếp nhận máy móc, thiết bị.

- Máy móc, thiết bị hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước cấp.

- Máy móc, thiết bị do tổ chức, cá nhân tài trợ, cho, tặng.

- Máy móc thiết bị được điều chuyển từ các đơn vị khác về sử dụng tại Trường THCS Mạo Khê II

- Bộ phận Kế toán – Hành chính của nhà trường chịu trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường thực hiện các quy trình tiếp nhận tài sản, máy móc, thiết bị.

2. Việc bàn giao máy móc, thiết bị đã hết thời hạn sử dụng, bị hư hỏng không sử dụng được; không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức quy định cho đơn vị.

Điều 15: Quản lý sử dụng tài sản công

1. Nguyên tắc quản lý sử dụng tài sản công

Tất cả các tài sản, máy móc, thiết bị do phòng quản lý, sử dụng phải được theo dõi qua sổ sách kế toán theo đúng quy định, không di chuyển tài sản ra ngoài nhà trường khi chưa được sự cho phép của Hiệu trưởng; không sử dụng tài sản của đơn vị vào việc cá nhân.

2. Đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản

Tài sản thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng đất nhà trường.

3. Mở sổ theo dõi tài sản

- Các biểu mẫu áp dụng theo Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp bao gồm: Sổ tài sản cố định theo mẫu S24-H; Thẻ tài sản cố định theo mẫu S25-

H; Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng theo mẫu S26-H; Biên bản đánh giá lại tài sản cố định theo mẫu C52-HD; Biên bản kiểm kê tài sản cố định theo mẫu C53-HD; Biên bản giao nhận tài sản sau khi nâng cấp theo mẫu C54-HD; Bảng tính hao mòn tài sản cố định theo mẫu C55-HD.

- Các mẫu biểu áp dụng theo Thông tư 144/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính gồm: Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng tài sản theo mẫu 08a-ĐK/TSC, mẫu 08b-ĐK/TSC.

Điều 16. Hạch toán tài sản công

Tài sản công phải được đơn vị hạch toán kịp thời, đầy đủ thông số quy cách giá trị và tính hao mòn, khấu hao hàng năm theo đúng quy định.

Điều 17. Kiểm kê, báo cáo tài sản công

1. Kiểm kê: Việc kiểm kê tài sản công phải được thực hiện theo đúng quy định hoặc kiểm kê đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo, nhà trường có thẩm quyền.

- Thành phần kiểm kê bao gồm: Hiệu trưởng, kế toán, đại diện các bộ phận sử dụng trực tiếp tài sản, thiết bị, công cụ dụng cụ.

- Bộ phận Kế toán - Hành chính tham mưu thông báo kế hoạch kiểm kê trang thiết bị đến các bộ phận ít nhất 10 ngày trước khi tiến hành kiểm kê.

- Các Tổ chuyên môn, các bộ phận có trách nhiệm tạo điều kiện cho việc kiểm kê được thực hiện theo đúng kế hoạch.

2. Báo cáo tài sản công

Đơn vị thực hiện báo cáo đối với tài sản công được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và quy định tại Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

3. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công

- Hàng năm, đơn vị thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với các tài sản quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của nhà trường nhà nước có thẩm quyền.

- Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm: Đơn vị lập báo cáo trước ngày 30/01 hàng năm. Thực hiện việc nộp báo cáo theo đúng quy định.

Điều 18: Bảo dưỡng, duy tu sửa chữa tài sản công

1. Các bộ phận và cá nhân khi phát hiện tài sản công bị hư hỏng có trách nhiệm báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định sửa chữa tài sản.

2. Bộ phận Kế toán - Hành chính nhà trường tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện các quy trình bảo dưỡng, duy tu sửa chữa tài sản theo đúng thẩm quyền đúng quy định.

Điều 19: Thu hồi tài sản công trong đơn vị

- Các trường hợp thu hồi tài sản công: Sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng; Nghi hưu, chuyển đơn vị công tác.
- Trình tự, thủ tục và thẩm quyền thu hồi tài sản công được quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 20. Điều chuyển tài sản công

1. Các trường hợp điều chuyển tài sản công

- Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do nhà trường, người có thẩm quyền quy định.
- Việc điều chuyển tài sản sẽ mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn.
- Khi không có nhu cầu sử dụng
- Tài sản được nhà trường giao cho từng bộ phận trực tiếp quản lý, sử dụng. Khi điều chuyển giữa các bộ phận phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chuyển được quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 118/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh

Điều 21. Thanh lý tài sản công

1. Tài sản công được thanh lý trong các trường hợp:

- Tài sản hết hạn sử dụng và không còn sử dụng được.
- Tài sản chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa hoặc sửa chữa không còn hiệu quả.
- Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của nhà trường nhà nước có thẩm quyền.

2. Trình tự, thủ tục thanh lý thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Thẩm quyền quyết định thanh lý các tài sản nhà trường khi bị hư hỏng hoặc hết thời gian sử dụng, không cò sử dụng được quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 118/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Quảng Ninh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Sau khi có chủ trương thanh lý tài sản, nhà trường thành lập Hội đồng thanh lý, thành phần Hội đồng theo quy định tại Điều 18 của Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 22. Bán tài sản công tại đơn vị

1. Tài sản công được bán trong các trường hợp sau đây:
 - Tài sản công bị thu hồi được xử lý theo hình thức bán.
 - Khi không có nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi về tổ chức, thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nguyên nhân mà phải thu hồi hoặc điều chuyển.
 - Thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản công.
 - Tài sản công được thanh lý theo hình thức bán đấu giá.
2. Trình tự, thủ tục bán tài sản công: Thực hiện theo Điều 23 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.
3. Thẩm quyền quyết định bán tài sản: Điều 4 Nghị quyết số 118/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 23: Kê khai, công khai việc quản lý, sử dụng tài sản công

1. Tài sản kê khai, công khai quản lý, sử dụng gồm: Trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất, tài sản cố định khác.
2. Trường THCS Mạo Khê II được giao quản lý sử dụng tài sản công thực hiện công khai việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản thông qua các hình thức sau: Công khai trong các cuộc họp nhà trường hoặc công khai bằng văn bản tại bản tin nhà trường.

Mục 3

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN KHÁC

Điều 24. Quản lý và sử dụng các tài sản làm việc

1. Các bộ phận và cá nhân sử dụng tài sản phải chịu trách nhiệm theo dõi quản lý, sử dụng tài sản công của bộ phận mình.
2. Cán bộ, công chức, người lao động được giao quản lý, sử dụng các tài sản làm việc có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn đảm bảo sử dụng tài sản lâu bền, tiết kiệm, có hiệu quả và đúng mục đích.

Điều 25. Quản lý và sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm quản lý trong lĩnh vực tài chính

1. Cán bộ, công chức, người lao động nhà trường khai thác đường truyền mạng đúng quy định, đảm bảo việc sử dụng trao đổi thông tin thuận tiện, nhanh chóng. Không được sử dụng máy vi tính kết nối mạng để đánh máy, in, sao lưu văn bản thuộc tài liệu mật được quy định tại Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Nghiêm cấm sử dụng thiết bị tin học vào việc riêng.

2. Quản lý và sửa chữa các thiết bị tin học bị hư hỏng; nâng cấp, bảo trì các phần mềm hỗ trợ quản lý công tác Tài chính, tài sản như sau: Các bộ phận thông báo cho bộ phận Kế toán - Hành chính, sau đó đề xuất, tham mưu Hiệu trưởng quyết định sửa chữa.

Điều 26. Quản lý và sử dụng điện thoại

Các bộ phận được trang bị 01 máy điện thoại cố định để tiện trong quá trình trao đổi, giao dịch, liên hệ công việc. Tùy theo nhu cầu và tính chất công việc mà cán bộ, công chức, người lao động nâng cao trách nhiệm, ý thức tiết kiệm trong hoạt động thực hiện nhiệm vụ được giao. Chỉ sử dụng điện thoại giao dịch việc nhà trường, cá nhân phụ trách điện thoại không sử dụng điện thoại của nhà trường vào việc cá nhân.

Điều 27. Quản lý và sử dụng điện

1. Cán bộ, công chức, người lao động nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng điện.

- Không tự ý đầu nối làm thay đổi thiết kế của hệ thống điện nhà trường, không tự ý sửa chữa, kịp thời báo cáo Hiệu trưởng nhà trường để có phương án sửa chữa khi bị hỏng hóc.

- Tắt các thiết bị điện khi không có nhu cầu sử dụng. Người cuối cùng ra khỏi phòng làm việc phải tắt đèn chiếu sáng và các thiết bị điện trong phòng.

2. Các bộ phận, cá nhân được giao quản lý tài sản thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện nhằm hạn chế các trường hợp cháy chập, nổ các thiết bị ảnh hưởng đến hệ thống điện nhà trường.

3. Nghiêm cấm sử dụng các thiết bị điện vào việc riêng.

Mục 4

QUY ĐỊNH VỀ TÍNH HAO MÒN, KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Điều 28. Nguyên tắc, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định

- Nguyên tắc tính hao mòn tài sản cố định: Việc tính hao mòn tài sản cố định thực hiện mỗi năm 01 lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán. Phạm vi tài sản cố định phải tính hao mòn là tất cả tài sản cố định hiện có quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tính hao mòn.

- Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 29. Phương pháp tính hao mòn tài sản cố định

1. Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản cố định được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{sản cố định}} \times \text{Tỷ lệ tính hao mòn (\% năm)}$$

Hàng năm, trên cơ sở xác định số hao mòn tăng và số hao mòn giảm phát sinh trong năm Kế toán – Hành chính tính tổng số hao mòn của tất cả tài sản cố định cho năm đó theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản cố định lũy} \\ \text{kế tính đến năm (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản cố định đã} \\ \text{tính đến năm (n-1)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản cố định tăng} \\ \text{trong năm (n)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn tài sản cố định giảm} \\ \text{trong năm (n)} \end{array}$$

2. Đối với những tài sản cố định có thay đổi về nguyên giá thì Kế toán – Hành chính căn cứ các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định sau khi xác định lại theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính để tiếp tục tính hao mòn tài sản cố định cho các năm còn lại.

3. Số hao mòn tài sản cố định cho năm cuối cùng thuộc thời gian sử dụng của tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế đã thực hiện của tài sản cố định đó.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

Điều 30. Xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công

Cán bộ, công chức, người lao động vi phạm quy chế này, tùy thuộc vào mức độ cụ thể sẽ bị xử lý theo quy định tại Luật Lao động và Luật cán bộ công chức và các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công.

Điều 31. Xử lý trách nhiệm vật chất

1. Hình thức xử lý trách nhiệm vật chất: Bồi thường và đền bù chi phí khắc phục hậu quả do hành vi gây ra.

2. Cán bộ, công chức, người lao động gây thiệt hại về tài sản công, cố ý hay không cố ý, đều có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo chỉ đạo của Lãnh đạo phòng.

Điều 32. Thẩm quyền quyết định xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản công và xử lý trách nhiệm về vật chất

Hiệu trưởng Trường THCS Mạo Khê II Quyết định hình thức xử lý vi phạm về quản lý và sử dụng tài sản công và hình thức xử lý trách nhiệm vật chất đối với đối tượng bị xử lý là bộ phận hoặc cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 33. Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất

1. Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất vi phạm vi quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm: Thủ trưởng đơn vị; Đại diện ban Thanh tra nhân dân; Đại diện các bộ phận liên quan; Các cá nhân khác (nếu có).

2. Trách nhiệm của Hội đồng: Xem xét, đánh giá tính chất, hành vi gây thiệt hại; xác định trách nhiệm của người gây thiệt hại và tập thể, cá nhân có liên quan; kiến nghị với người có thẩm quyền về mức độ và phương thức bồi thường thiệt hại.

Điều 34. Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

Thông báo vi phạm; Lập biên bản vi phạm; Yêu cầu các bộ phận, cá nhân gây thiệt hại

Trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm vật chất đối với các cán bộ công chức, người lao động trong nhà trường vi phạm

1. Trình tự: Chủ tịch Hội đồng yêu cầu người bị phạm làm bản tường trình Lập biên bản vi phạm; Xác định giá trị tài sản bị thiệt hại.

2. Thủ tục; Thủ trưởng đơn vị thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm vật chất; Hội đồng xem xét, có văn bản kiến nghị mức bồi thường và phương thức bồi thường gửi Hiệu trưởng; Quyết định bồi thường thiệt hại; Thực thi quyết định bồi thường thiệt hại.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Tổ chức thực hiện:

- Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm phổ biến và triển khai tổ chức thực hiện tới toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong nhà trường nội dung Quy chế.

- Bộ phận Kế toán - Hành chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện, tham mưu kiểm tra định kỳ hàng năm, kiểm tra đột xuất việc thực hiện Quy chế này. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy chế báo cáo Hiệu trưởng nhà trường; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của các bộ phận nhà trường.

Điều 37. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Những nội dung khác về quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước không nêu tại quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các Tổ chuyên môn phản ánh về bộ phận Kế toán - Hành chính của nhà trường để tham mưu Hiệu trưởng xem xét, giải quyết, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Ánh Tuyết